

**ĐIỀU TRỊ PHẪU THUẬT
CÁC KHỐI U BUỒNG TRỨNG Ở PHỤ NỮ CÓ THAI
TẠI BỆNH VIỆN PHỤ SẢN TRUNG ƯƠNG**

Lê Hoài Chương

Kha Thị Trâm

Đoàn Thị Thu Trang

Bệnh viện Phụ sản Trung ương

ĐẶT VẤN ĐỀ

- Khối u buồng trứng là một loại khối u của cơ quan sinh dục
- Chẩn đoán khối u buồng trứng thường không khó nhưng đòi hỏi phải chẩn đoán đúng và có thái độ xử trí kịp thời, đặc biệt là đối với những khối u ác tính và đặc biệt hơn nữa là ở phụ nữ mang thai
- Có 2 trường phái về thái độ xử trí:
 - + Nên mổ vào tuần 16 - 20 của thai kỳ.
 - + Chỉ nên can thiệp khối u khi có các biến chứng xảy ra.

MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

1. Mô tả một số đặc điểm của khối u buồng trứng ở phụ nữ có thai đến 28 tuần được điều trị bằng phẫu thuật tại BVPSTU từ ngày 01/2010 đến 31/12/ 2013.
2. Nhận xét kết quả các phương pháp phẫu thuật khối UBT ở phụ nữ có thai đến 28 tuần tại BVPSTU.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

❖ Đối tượng nghiên cứu

Là những trường hợp đã được phẫu thuật khối u buồng trứng ở phụ nữ có thai đến 28 tuần tại BVPSTU từ tháng 01/2010 đến tháng 31/12/2013.

• **Tiêu chuẩn lựa chọn**

- Những trường hợp thai phụ có thai sống đến 28 tuần
- Được chẩn đoán có khối u buồng trứng và được phẫu thuật
- Hồ sơ bệnh án có đầy đủ thông tin cần cho nghiên cứu.

• **Tiêu chuẩn loại trừ**

- Những trường hợp thai phụ không đủ tiêu chuẩn lựa chọn trên.
- Hồ sơ bệnh án không đầy đủ thông tin cần cho nghiên cứu.

❖ Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu**

Nghiên cứu mô tả hồi cứu

- **Mẫu nghiên cứu**

Mẫu nghiên cứu là mẫu không xác xuất, thu thập tất cả các bệnh án có bệnh nhân được phẫu thuật u nang buồng trứng trong quá trình mang thai tại BVPSTU từ tháng 01/2010 đến tháng 31/12/2013

- **Kỹ thuật thu thập số liệu trong nghiên cứu**

- Thu thập thông tin theo mẫu phiếu thiết kế có sẵn.

- Sau khi thiết kế mẫu thu thập số liệu, thông tin được thu thập từ bệnh án theo các yếu tố nghiên cứu có đủ tiêu chuẩn tại phòng lưu trữ hồ sơ của Bệnh viện Phụ sản TƯ.

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Bảng 1. Phân bố tỷ lệ mổ khối UBT ở PNCT theo tuổi thai tại thời điểm phẫu thuật.

<i>Chỉ định PT</i>	PT chủ động		PT cấp cứu		Tổng	
	<i>Tuổi thai</i> n	%	n	%	n	%
< 13 tuần	35	19,55	45	75	80	33,47
13 - 14 tuần	93	51,96	6	10	99	41,42
15 - 16 tuần	36	20,11	2	3,33	38	15,9
17 - 28 tuần	15	8,38	7	11,67	22	9,21
Tổng	179	100	60	100	239	100

Tỷ lệ mổ khối UBT cao nhất ở nhóm tuổi thai 13-14 tuần chiếm 41,42%.

Tỷ lệ mổ chủ động khối UBT cao nhất ở tuổi thai từ 13-14 tuần (51,96%)

Tỷ lệ mổ cấp cứu khối UBT cao nhất ở tuổi thai < 13 tuần (75%).

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Bảng 2. Liên quan giữa kích thước khối UBT và tuổi thai khi phẫu thuật (tuần)

<i>Tuổi thai (tuần)</i>	< 13		13 - 14		15 - 16		17 - 28		Tổng	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
<i>KT U</i> < 6cm	20	25	10	10,1	10	26,32	2	9,09	42	17,57
6 - 10cm	43	53,75	56	56,57	16	42,11	7	31,82	122	51,05
> 10cm	17	21,25	33	33,33	12	31,58	13	59,09	75	31,38
Tổng cộng	80	100	99	100	38	100	22	100	239	100

Tỷ lệ gặp nhiều nhất là nhóm khối UBT có kích thước 6-10cm chiếm 51,05%
 Khối u > 10cm gặp nhiều ở tuổi thai 17-28 tuần chiếm 59,09%

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Bảng 3. Liên quan giữa kích thước khối UBT và phương pháp PT

<i>Phương pháp</i> <i>Kích thước u</i>	Nội soi		Mở bụng		Tổng		p
	n	%	n	%	n	%	
< 6 cm	38	20,99	4	6,9	42	17,57	
6 - 10 cm	107	59,12	15	25,86	122	51,05	0,0001
> 10 cm	36	19,89	39	67,24	75	31,38	
Tổng cộng	181	100	58	100	239	100	

Tỷ lệ mổ nội soi gặp nhiều ở khối UBT có kích thước 6-10 cm chiếm 59,12%.
Tỷ lệ mổ mở bụng gặp nhiều ở khối UBT có kích thước > 10cm chiếm 67,24%

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Bảng 4. Phân bố tỷ lệ mô khối u buồng trứng ở PNCT theo giải phẫu bệnh lý u

<i>Phân loại</i>		<i>Tuổi thai</i>	< 13	13-14	15 -16	17 -28	Tổng	p
Nang bì	n		28	53	19	9	109	
	%		38,36	56,99	55,88	50	50	
Nang nước	n		14	9	4	2	29	
	%		19,18	9,68	11,76	11,11	13,3	
Nang nhầy	n		5	13	5	2	25	0,041
	%		6,85	13,98	14,71	11,11	11,47	
Nang lạc NMTC	n		0	5	0	0	5	
	%		0	5,38	0	0	2,29	
Nang cơ năng	n		14	5	4	2	25	
	%		19,18	5,38	11,76	11,11	11,47	
Nang khác	n		11	8	1	2	22	
	%		15,07	8,6	2,94	11,11	10,09	
Nang ác tính	n		1	0	1	1	3	
	%		1,37	0	2,94	5,56	1,38	
Tổng cộng	n		47	93	34	18	218	
	%		100	100	100	100	100	

Nang bì chiếm tỷ lệ cao nhất 50%

Nang ác tính chiếm 1,38%

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Kết quả điều trị khối UBT trong thai kỳ bằng các phương pháp phẫu thuật tại BVPSTU

Bảng 5. Liên quan giữa chỉ định phẫu thuật và tuổi thai

		<i>Tuổi thai (tuần)</i>					
		<i>< 13</i>	<i>13-14</i>	<i>15-16</i>	<i>17 -28</i>	<i>Tổng</i>	
<i>Chỉ định phẫu thuật</i>							
	<i>Chủ động</i>	n	35	93	36	15	179
	%	43,75	93,94	94,74	68,18	74,9	
<i>Cấp cứu</i>	n	45	6	2	7	60	
	%	56,25	6,06	5,26	31,82	25,1	
<i>Tổng</i>	n	80	99	38	22	239	
	%	100	100	100	100	100	

Tỷ lệ mổ chủ động chiếm phần lớn 74,9%.

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Bảng 6. Liên quan giữa phương pháp phẫu thuật và tuổi thai

		<i>Tuổi thai (tuần)</i>				
		<i>< 13</i>	<i>13 - 14</i>	<i>15 - 16</i>	<i>17 - 28</i>	<i>Tổng</i>
<i>Phương pháp phẫu thuật</i>						
Nội soi	n	73	77	27	4	181
	%	91,25	77,78	71,05	18,18	75,73
Mở bụng	n	7	22	11	18	58
	%	8,75	22,22	28,95	81,82	24,27
Tổng	n	80	99	38	22	239
	%	100	100	100	100	100

Tỷ lệ mổ nội soi chiếm đa số 75,73%

Tỷ lệ mổ nội soi gặp nhiều ở nhóm tuổi thai < 13 tuần và 13-14 tuần (91,25% và 77,78%)

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Bảng 7. Biến chứng trong và sau mổ theo phương pháp phẫu thuật

<i>Phương pháp PT</i>	PT nội soi		PT mổ bụng		Tổng	
	<i>Biến chứng</i>	n	%	n	%	n
Chảy máu trong mổ	0	0	1	1,72	1	0,42
Sốt > 3 ngày	2	1,11	0	0	2	0,84
Nhiễm khuẩn vết mổ	0	0	0	0	0	0
Không biến chứng	179	100	57	95	236	98,74
Tổng cộng	179	100	60	100	239	100

Tỷ lệ gặp biến chứng trong PT nội soi và mổ bụng rất nhỏ, chỉ 0,42% chảy máu trong mổ và 0,84% sốt >3 ngày

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Bảng 8. Tình trạng thai sau phẫu thuật theo phương pháp phẫu thuật

<i>Phương pháp PT</i>	<i>PT nội soi</i>		<i>PT mổ bụng</i>		<i>Tổng</i>	
	<i>n</i>	<i>%</i>	<i>n</i>	<i>%</i>	<i>n</i>	<i>%</i>
Tình trạng thai						
Sảy thai hoặc thai lưu	0	0	2	3,33	2	0,83
Nạo hút chủ động	4	2,23	1	1,67	5	2,09
Đẻ non	0	0	3	5	3	1,25
Ổn định	172	96,08	50	83,33	222	92,88
Không có thông tin	3	1,68	4	6,67	7	2,93
Tổng	179	100	60	100	239	100

Tỷ lệ sảy thai gặp ở PT mổ bụng là chủ yếu chiếm 3,33%.

KẾT LUẬN

1. Một số đặc điểm của khối UBT ở PNCT đến 28 tuần được điều trị bằng phẫu thuật tại BVPSTU

- ✓ Các khối u có kích thước 6 – 10cm chiếm tỷ lệ cao nhất 51,05%.
- ✓ U nang bì gặp nhiều nhất trong số khối u được phẫu thuật 50%.
- ✓ Nang cơ năng PT nhiều ở tuổi thai <13 tuần gặp 19,18%.

KẾT LUẬN

2. Kết quả các phương pháp PT khối UBT ở PNCT đến 28 tuần tại BVPSTU

- ✓ PT nội soi chiếm tỷ lệ cao nhất 75,73%, chủ yếu được thực hiện ở tuổi thai < 13 tuần (91,25%) và 13-14 tuần (77,78%).
- ✓ PT chủ động chiếm ưu thế 74,9%, chủ yếu được thực hiện ở tuổi thai 13-14 tuần (93,94%) và 15-16 tuần (94,74%).
- ✓ Tỷ lệ biến chứng trong và sau mổ 1,26%.
- ✓ Tỷ lệ thai ổn định cao 92,88%, chỉ gặp 1,25% là đẻ non và 0,84% là sảy thai.



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN QUÝ VỊ!